

Số: /QĐ-UBND

Thiệu Quang, ngày tháng năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc thu hồi đất để thực hiện dự án: Đầu tư xây dựng và kinh doanh
kết cấu hạ tầng khu công nghiệp WHA Smart Technology 2 - Thanh Hóa (đợt 3)**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ THIỆU QUANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 18/01/2024;

Căn cứ Nghị quyết số 254/2025/NQ15 của Quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất; số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai; số 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai; số 49/2026/NĐ-CP ngày 31/01/2026 Quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Nghị quyết số 254/2025/QH15 của Quốc hội;

Căn cứ Nghị quyết số 654/NQ-HĐND ngày 24/6/2025 của HĐND tỉnh Thanh Hoá về việc thông qua danh mục các công trình, dự án phải thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng sản xuất và quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng trên địa bàn tỉnh Thanh Hoá đợt 5, năm 2025;

Căn cứ các Quyết định của UBND tỉnh Thanh Hóa: số 2576/QĐ-UBND ngày 19/7/2023 về phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 và kế hoạch sử dụng đất năm 2023 huyện Thiệu Hóa; số 1438/QĐ-UBND ngày 14/5/2025 về chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp WHA Smart Technology 2 - Thanh Hóa tại huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa; số 3467/QĐ-UBND ngày 03/11/2025 về việc phân bổ chỉ tiêu sử dụng đất đến từng đơn vị hành chính cấp xã, tỉnh Thanh Hoá, thời kỳ 2021-2030; số 19/2026/QĐ-UBND ngày 14/3/2026 về việc phân cấp, ủy quyền thẩm quyền thực hiện một số nhiệm vụ thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh trong lĩnh vực đất đai trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa; số 55/2026/QĐ-UBND ngày 28/6/2026 Ban hành Quy định trình tự, thủ tục hành chính về đất đai trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa;

Căn cứ Quyết định số 386/QĐ-UBND ngày 22/4/2026 của Chủ tịch UBND xã Thiệu Quang về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi

Nhà nước thu hồi đất thực hiện dự án Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp WHA Smart Technology 2 - Thanh Hóa (đợt 3);

Xét đề nghị của Phòng Kinh tế tại Tờ trình số 294/TTr-KT ngày 06/8/2026 và Tờ trình số 110/TTr-HĐBTHTTĐC ngày 05/8/2026 của Hội đồng bồi thường, hỗ trợ, tái định cư dự án,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thu hồi 109.939,9 m² đất của Ủy ban nhân dân xã Thiệu Quang tại xã Thiệu Quang, tỉnh Thanh Hoá.

(Có danh sách các thửa đất thu hồi kèm theo).

Vị trí, ranh giới các thửa đất thu hồi được xác định theo Trích lục bản đồ địa chính số 580/TLBĐ do Văn phòng đăng ký đất đai Thanh Hóa lập ngày 26/5/2025.

Lý do thu hồi đất: Thu hồi đất để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng quy định tại khoản 22 Điều 79 Luật Đất đai 2024 (dự án khu công nghiệp).

Điều 2. Giao nhiệm vụ cho các cơ quan, tổ chức thực hiện việc thu hồi đất, cụ thể như sau:

1. Phòng Kinh tế phối hợp với Hội đồng bồi thường, hỗ trợ, tái định cư dự án niêm yết Quyết định này tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã Thiệu Quang và tại nơi sinh hoạt chung của cộng đồng dân cư các thôn nơi có đất thu hồi.

2. Văn phòng HĐND và UBND xã có trách nhiệm đăng tải Quyết định này trên trang thông tin điện tử của xã Thiệu Quang.

3. Hội đồng bồi thường, hỗ trợ, tái định cư dự án có trách nhiệm quản lý quỹ đất đã thu hồi, phối hợp với Phòng Kinh tế thực hiện thủ tục đất đai theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Tổ chức, cá nhân có tên tại Điều 2 nêu trên chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 QĐ (đề t/h);
- Chủ tịch, các PCT UBND xã (b/c);
- Lưu VT, KT.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lê Long Giang

DANH SÁCH CÁC THỪA ĐẤT THU HỒI
Thực hiện dự án: Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công
ng nghiệp WHA Smart Technology 2 - Thanh Hóa (đợt 3)
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /8/2026 của Chủ tịch UBND
xã Thiệu Quang)

TT	Số liệu theo Trích lục bản đồ địa chính số 580/TLBĐ lập ngày 26/5/2025						
	Số tờ	Số thửa	Tên tổ chức quản lý, sử dụng đất	Địa chỉ (Xã)	Diện tích nguyên thửa (m2)	Diện tích trong dự án (m2)	Loại đất
1	1	9	UBND xã Thiệu Quang	Thiệu Quang	11.705,4	8.620,6	Đất giao thông
2	1	11	UBND xã Thiệu Quang	Thiệu Quang	717,8	282,2	Đất giao thông
3	2	23	UBND xã Thiệu Quang	Thiệu Quang	6.095,7	4.932,7	Đất giao thông
4	11	1772	UBND xã Thiệu Quang	Thiệu Quang	343,6	9,8	Đất giao thông
5	12	721	UBND xã Thiệu Quang	Thiệu Quang	7.266,3	4.589,8	Đất giao thông
6	1	6	UBND xã Thiệu Quang	Thiệu Quang	210,4	210,4	Đất thủy lợi
7	2	9	UBND xã Thiệu Quang	Thiệu Quang	20,3	16,1	Đất thủy lợi
8	2	11	UBND xã Thiệu Quang	Thiệu Quang	222,4	222,4	Đất thủy lợi
9	2	31	UBND xã Thiệu Quang	Thiệu Quang	149,3	70,4	Đất thủy lợi
10	12	720	UBND xã Thiệu Quang	Thiệu Quang	3.226,4	2.102,7	Đất thủy lợi
11	1	2	UBND xã Thiệu Quang	Thiệu Quang	4.741,9	4.741,9	Đất chuyên trồng lúa
12	1	3	UBND xã Thiệu Quang	Thiệu Quang	5.168,8	5.168,8	Đất chuyên trồng lúa
13	1	5	UBND xã Thiệu Quang	Thiệu Quang	8.554,6	8.554,6	Đất chuyên trồng lúa
14	1	7	UBND xã Thiệu Quang	Thiệu Quang	6.621,1	6.621,1	Đất chuyên trồng lúa
15	1	8	UBND xã Thiệu Quang	Thiệu Quang	7.955,9	7.955,9	Đất chuyên trồng lúa
16	1	14	UBND xã Thiệu Quang	Thiệu Quang	25.231,8	9.600,4	Đất chuyên trồng lúa
17	12	709	UBND xã Thiệu Quang	Thiệu Quang	10.637,8	257,1	Đất chuyên trồng lúa
18	12	713	UBND xã Thiệu Quang	Thiệu Quang	629,1	179,5	Đất chuyên trồng lúa
19	12	716	UBND xã Thiệu Quang	Thiệu Quang	840,5	840,5	Đất chuyên trồng lúa
20	12	722	UBND xã Thiệu Quang	Thiệu Quang	11.119,2	3.291,8	Đất chuyên trồng lúa
21	12	723	UBND xã Thiệu Quang	Thiệu Quang	10.704,8	10.704,8	Đất chuyên trồng lúa
22	12	726	UBND xã Thiệu Quang	Thiệu Quang	8.174,1	8.174,1	Đất chuyên trồng lúa
23	12	727	UBND xã Thiệu Quang	Thiệu Quang	10.432,8	10.432,8	Đất chuyên trồng lúa

24	12	728	UBND xã Thiệu Quang	Thiệu Quang	5.073,9	4.145,2	Đất chuyên trồng lúa
25	2	33	UBND xã Thiệu Quang	Thiệu Quang	569,3	20,7	Đất nghĩa trang, nghĩa địa
26	2	34	UBND xã Thiệu Quang	Thiệu Quang	271,4	271,4	Đất nghĩa trang, nghĩa địa
27	2	35	UBND xã Thiệu Quang	Thiệu Quang	2.853,8	1.049,1	Đất nghĩa trang, nghĩa địa
28	1	1	UBND xã Thiệu Quang	Thiệu Quang	3.631,1	3.631,1	Đất nuôi trồng thủy sản
29	1	4	UBND xã Thiệu Quang	Thiệu Quang	2.099,6	2.099,6	Đất nuôi trồng thủy sản
30	12	717	UBND xã Thiệu Quang	Thiệu Quang	1.200,8	1.142,4	Đất nuôi trồng thủy sản
Tổng cộng					156.469,9	109.939,9	

Tổng hợp các loại đất:

1. Đất giao thông (DGT):	18.435,1	m ²
2. Đất thủy lợi (DTL):	2.622,0	m ²
3. Đất chuyên trồng lúa (LUC):	80.668,5	m ²
4. Đất nghĩa địa (NTD):	1.341,2	m ²
5. Đất nuôi trồng thủy sản (NTS):	6.873,1	m ²